



Bản tin quý I/2024

CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG & AN TOÀN NGƯỜI BỆNH

Sự cố y khoa

Trong quý I năm 2024 không ghi nhận sự cố y khoa.

Phản ứng có hại của thuốc (ADR)

Trong quý I của năm 2024 đã có 4 trường hợp ADR xảy ra:

- Ngày 9/1/2024 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Ciprobay 400mg tại Trung tâm Cấp cứu, Hội sức tích cực – Chống độc.
- Ngày 29/1/2024 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Diazepam 10mg tại khoa Nội.
- Ngày 4/2/2024 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Ceftriaxon 2g tại Trung tâm Cấp cứu, Hội sức tích cực – Chống độc.
- Ngày 14/2/2024 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Bactamox 1.5g tại Trung tâm Cấp cứu, Hội sức tích cực – Chống độc.

100% trường hợp đã được phát hiện và xử trí kịp thời, không gây hậu quả nghiêm trọng.

Giám sát thực hiện đúng phác đồ điều trị

Giám sát định kỳ

Khoa	Số hồ sơ được kiểm tra	Bệnh chính			Bệnh kèm		
		Phù hợp	Không đầy đủ	Không phù hợp	Phù hợp	Không đầy đủ	Không phù hợp
Cấp cứu	10	10	0	0	6	1	2
Nội	9	8	1	0	7	2	0
Ngoại	5	5	0	0	3	0	0
Sản	3	3	0	0	2	1	0
Nhi	3	3	0	0	0	0	0
Tai Mũi Họng	3	3	0	0	0	0	0
Mắt	4	4	0	0	2	0	0
Tổng	37						

Giám sát đột xuất

Khoa	Số hồ sơ được kiểm tra	Bệnh chính			Bệnh kèm		
		Phù hợp	Không đầy đủ	Không phù hợp	Phù hợp	Không đầy đủ	Không phù hợp
Cấp cứu	11	8	0	0	8	0	0
Nội	9	8	0	0	7	0	0
Ngoại	3	3	0	0	3	0	0
Sản	16	5	0	0	4	0	0
Hội sức	2	2	0	0	2	0	0
Lọc thận	10	5	0	0	2	0	0
PTTM	1	1	0	0	1	0	0
Tổng	52						

Chỉ số chất lượng	Khoa/Phòng	Chi tiêu năm 2024	Kết quả quý I/2024	So sánh chi tiêu
A. Chỉ số chất lượng chung của bệnh viện				
1. Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên	Ngoại	≥ 75%	76,7%	Đạt
	Phụ Sản	> 97%	99,8%	Đạt
	Tai Mũi Họng	≥ 94%	95%	Đạt
2. Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện	TT Cấp cứu Hồi sức TC-CD	≤ 0,5%	0%	Đạt
3. Tỷ lệ hồ sơ bệnh án hoàn thiện các yêu cầu cơ bản theo quy chế hồ sơ bệnh án	Kế hoạch tổng hợp	≥ 95%	100%	Đạt
4. Tỷ lệ sai lỗi trong thực hiện ghi chép hồ sơ điều dưỡng	Điều dưỡng	<5%	4,1%	Đạt
5. Tỷ lệ tuân thủ quy trình truyền dịch	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
6. Tỷ lệ nhận diện chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ chăm sóc người bệnh	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
7. Tỷ lệ tuân thủ quy trình kỹ thuật thay băng vết thương	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
8. Tỷ lệ tuân thủ 5 đúng khi dùng thuốc	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
9. Bệnh phẩm xét nghiệm bị từ chối	Điều dưỡng	< 0,5%	0,0089%	Đạt
10. Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế theo 5 thời điểm	Kiểm soát nhiễm khuẩn	≥ 77%	77,5%	Đạt
11. Hiệu suất sử dụng phòng mổ	Gây mê phẫu thuật	≥ 80%	63,18%	Không đạt
12. Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)	TT Cấp cứu Hồi sức TC-CD	≤ 2,6%	4,62%	Không đạt
	Khoa Nội	≤ 1,28%	0,65%	Đạt
	Khoa Ngoại	< 1,0%	0,25%	Đạt
	Khoa Nhi	< 2,0%	1,9%	Đạt
	Khoa Sản	≤ 0,4%	0%	Đạt
13. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh ngoại trú với dịch vụ khám chữa bệnh	Chăm sóc khách hàng	≥ 91,5%	99,88%	Đạt
14. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú với dịch vụ khám chữa bệnh	Chăm sóc khách hàng	≥ 91%	100%	Đạt
15. Tỷ lệ lỗi kết nối HIS và PACS	Công nghệ thông tin	≤ 2,2%	0,64%	Đạt

Chỉ số chất lượng	Khoa/Phòng	Chi tiêu năm 2024	Kết quả quý I/2024	So sánh chi tiêu
B. Chỉ số chất lượng khoa/ phòng				
1. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh khoa Mắt với dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú	Mắt	≥ 98%	98%	Đạt
2. Tỷ lệ HSBA khoa Mắt hoàn thiện các yêu cầu cơ bản theo quy chế HSBA	Mắt	≥ 90%	100%	Đạt
3. Thời gian nằm viện trung bình trong phẫu thuật lấy thai	Phụ Sản	≤ 4,5 ngày	3,98 ngày	Đạt
4. Tỷ lệ Hồ sơ bệnh án ngoại trú được hoàn thiện và ra viện trong ngày	Răng Hàm Mặt	> 98%	98,2%	Đạt
5. Tỷ lệ viêm phổi liên quan đến máy thở	Hồi sức	≤ 30%	0%	Đạt
6. Tỷ lệ nhiễm khuẩn dụng cụ sau khi tiệt khuẩn tại khoa Tai Mũi Họng	Tai Mũi Họng	0%	0%	Đạt
7. Tỷ lệ thực hiện số ca chẩn đoán hình ảnh so với chỉ tiêu kế hoạch	Chẩn đoán hình ảnh	≥ 80%	83%	Đạt
8. Tỷ lệ số thủ thuật Nội soi đại tràng có gây mê so với tổng số thủ thuật Nội soi đại tràng tại khoa	Nội Soi	≥ 50%	45%	Không đạt
9. Tỷ lệ trả kết quả xét nghiệm đúng hạn cho bệnh nhân nội trú và ngoại trú	Xét nghiệm	≥ 95%	97,5%	Đạt